# Đại Việt Thời kỳ phân liệt: Trịnh - Nguyễn ( 1600 - 1777 )

## Quá trình phân ly hai đàng

Trong lúc họ Trịnh loay hoay tập trung sức lực hòng tiêu diệt họ Mạc thì một thế lực khác nổi lên và lần lần tách ly khỏi quỹ đạo của họ Trịnh. Đó là họ Nguyễn, mà khởi đầu là Nguyễn Hoàng, con của Nguyễn Kim.

Sau khi Nguyễn Kim bị hại chết, quyền hành đều ở trong tay của Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm nắm hết quyền lãnh đạo nhưng vẫn lo sợ các con của Nguyễn Kim tranh giành nên đã giết người con lớn của Nguyễn Hoàng là Nguyễn Uông, Người con khác của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng giả bị bệnh tâm thần để tránh nguy hiểm và cho người đến hỏi kế Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trạnh Trình trả lời: "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân" (một dãy Hoành Sơn kia có thể yên thân được muôn đời). Nguyễn Hoàng bèn nhờ chị là Ngọc Bảo xin cùng Trịnh Kiểm cho ông vào trấn đất Thuận Hóa.

Năm 1558 Nguyễn Hoàng được phép vào Nam, bèn đem theo họ hàng của mình cùng nhiều quân sĩ, nhân tài gốc Thanh Nghệ. Ông đóng tại xã Ái Tử, huyện Vũ Xương, thành lập bộ máy hành chính trên vùng đất mới và tập trung vào việc khai phá đất đai. Công việc của ông đạt được nhiều kết quả. Năm 1569, ông được vua Lê cho trấn nhậm luôn cả đất Quảng Nam.

Sau khi Trịnh Tùng đuổi được họ Mạc lên Mạn Bắc và đưa vua Lê về thành Thăng Long vào năm 1592, Nguyễn Hoàng ra chầu vua và ở lại đấy trong tám năm để giúp Trịnh Tùng đánh họ Mạc. Ông đã đánh thắng nhiều trận to ở Sơn Nam, Hải Dương, Võ Nhai... hai lần hộ giá vua Lê đến Nam Quan hội kiến cùng sứ nhà Minh.

Vào năm 1600, biết Trịnh Tùng không tin tưởng mình, nhân cớ đi dẹp loạn, Nguyễn Hoàng đem binh tướng thẳng về Nam và ở lại đấy luôn. Nguyễn Hoàng vẫn giữ hòa khí với Trịnh Tùng, đem con gái là Ngọc Tú gả cho Trịnh Tráng, con của Trịnh Tùng. Đồng thời, Nguyễn Hoàng ra sức xây dựng cơ đồ, chú trọng đặc biệt đến việc phát triển nông nghiệp và trọng dụng nhân tài. Theo sách sử cũ thì ông là người khoan hòa và công bằng, được dân hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam yêu mến. Cuộc sống của dân chúng ở đấy tương đối sung túc và bình yên, chợ không hai giá, nhiều năm được mùa.

Nguyễn Hoàng là người mộ đạo Phật. Ông cho xây dựng nhiều chùa, trong đó có chùa Thiên Mụ xây cất vào năm 1601.

Năm 1613, Nguyễn Hoàng mất, người con thứ sáu là Nguyễn Phúc Nguyên lên nối nghiệp, được gọi là chúa Sãi.

Chúa Sãi có nhiều nhân tài giúp sức như Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến, Đào Duy Từ. Đào Duy Từ lập đồn Trường Dục ở huyện Phong Lộc (Quảng Bình) và xây một cái lũy dài ở cửa Nhật Lệ (Đồng Hới). Lũy này vẫn thường được gọi là lũy Thầy. Sau khi có được đồn lũy che chở, chúa Sãi ra mặt không phục tùng họ Trịnh nữa và cho tướng ra lấn đất cho đến phía Nam sông Gianh.

Từ đó hai bên đánh nhau. Đại Việt bị chia làm hai, phía Bắc từ sông Gianh trở ra thuộc về chúa Trịnh, được gọi là Đàng Ngoài. Phía Nam từ sông Gianh trở vào thuộc quyền họ Nguyễn. Trên danh nghĩa, cả hai họ Trịnh Nguyễn vẫn tôn xưng vua Lê, nhưng ở Đàng Ngoài, quyền hành nằm trong tay chúa Trịnh, còn ở Đàng Trong, sau nhiều lần muốn thụ phong An Nam quốc vương không thành thì đến năm 1744 Nguyễn Phúc Khoát tự xưng vương.

Hai Nhà Trịnh Nguyễn đánh nhau bảy lần từ 1627 đến 1672 bất phân thắng bại. Thấy không thể áp đảo được nhau, cuối cùng cả hai lấy sông Gianh làm giới hạn. Từ đấy dân chúng không thể vượt qua sông Gianh để ***~~giao dịch~~*** với nhau nữa.

## Các vấn đề chính trị kinh tế

### Đàng Ngoài

#### Vấn đề nhà Mạc



Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài dù đã đành đuổi được họ Mạc ra khỏi Thăng Long nhưng không tiêu diệt được lực lượng này mà cuối cùng phải chấp nhận cho họ Mạc hùng cứ ở đất Cao Bằng. Họ Mạc thỉnh thoảng lại đem quân quấy nhiễu làm cho quân Trịnh phải vất vả đi đánh dẹp.

Bấy giờ ở Trung Hoa, nhà Thanh đuổi được nhà Minh để chiếm ngôi Hoàng Đế (1644). Họ Mạc lại cũng nhận được sự ủng hộ của triều đình này. Nhờ thế kể từ khi Mạc Mậu Hợp bị Trịnh Tùng bắt giết đi, họ Mạc truyền đến được ba đời nữa là Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan và Mạc Kính Vũ. Về sau, họ Mạc theo Ngô Tam Quế, một phản thần của nhà Thanh cai trị Vân Nam và Quảng Tây. Sau khi Ngô Tam Quế chết, họ Trịnh liền cho quân tấn công Cao Bằng (1667), Mạc Kính Vũ cùng tùy tùng chạy sang đất Trung Hoa, nhưng bị nhà Thanh bắt và đem trao cho họ Trịnh. Từ đó mới dứt hẳn nhà Mạc.

#### Tổ chức cai trị đàng Ngoài

Vua Lê được tôn xưng nhưng thực chất chỉ làm vì mà thôi. Bao nhiêu quyền hành đều ở trong tay chúa Trịnh cả. Phía vua Lê vẫn được gọi là Triều đình còn phủ chúa Trịnh thì gọi là Phủ Liêu. Mọi quyết định đều từ Phủ Liêu mà ra, thậm chí bổng lộc và việc thế tập của vua cũng do Phủ Liêu quyết định. Chúa Trịnh lại hay lập các vua trẻ con, phần lớn được nuôi dưỡng trong phủ chúa cho dễ điều khiển. Chúa Trịnh còn tự quyền phế lập các vua nữa. Vua nào chống đối sự chuyên quyền của họ Trịnh đều bị giết hại như Lê Anh Tông (1573), Lê Kính Tông (1619), Lê Duy Phương (1732)

Trong bộ máy quan chức của họ Trịnh, ngoài quan văn và quan võ, còn có thêm quan giám. Quan giám được chúa Trịnh tin dùng và cho tham dự vào việc chính trị. Đó là điểm khác biệt của đời chúa Trịnh so với các triều trước. Việc này được duy trì cho đến đời Trịnh Doanh thì bỏ (1740).

Quan lại được tuyển lựa qua các kỳ thi văn, võ, hoặc được tiến cử. Cứ vài năm, Phủ Liêu lại tổ chức một lần khảo hạch khả năng của các quan. Ai không đạt thì bị truất chức. Để tránh việc ức hiếp, tham nhũng của quan lại, chúa Trịnh cấm các quan không được lập trang trại tại địa phương cai trị của mình. Tuy thế, về sau luật lệ của chúa không còn nghiêm minh nữa. Tệ nạn mua quan bán tước bắt đầu từ thời Trịnh Giang và cứ bành trướng lên mãi. Từ đó, hễ có tiền là có thể làm quan, không cần thông qua học vấn.

#### Về kinh tế

Nông nghiệp: Dưới thời này, ruộng đất công ngày càng bị thu hẹp, còn ruộng đất tư ngày càng phát triển. Chiến tranh, nạn cường hào làm cho nông dân xiêu tán, để đất lại cho cường hào chiếm đoạt. Các trang trại do các nhà quyền thế mua rẻ lại của nông dân được thành lập và lấn chiếm đất công. Vì ruộng đất công không còn nhiều nên phép lộc điền cũng không thực hiện được. Nhà nước chỉ ban rất ít đất cho một số quan lại hạn chế. Các quan tại chức được ấp tiền gạo thu của dân chứ không có lộc điền.

Sản xuất nông nghiệp có phát triển vào đầu thế kỷ 17. Có câu ca dao nói lên việc ấy: "Đời vua Vĩnh Tộ (1619-1628) lên ngôi. Cơm thổi đầy nồi, trẻ chẳng thèm ăn". Nhưng về sau, nông nghiệp càng ngưng trệ, đê điều không được tu bổ. Đê vỡ, hạn hán thường xảy ra làm cho nền sản xuất nông nghiệp suy sụp.

Thủ công nghiệp: Trong khi nông nghiệp không có những bước thuận lợi thì thủ công nghiệp lại phát triển đều đặn. Nhiều làng thủ công nổi tiếng xuất hiện như làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Ninh), Hương Canh, Đình Trung (Vĩnh Yên) làng tơ Thanh Oai, làng sa lĩnh La Cả, La Khê (Hà Đông) làng nhuộm Huê Cầu, các làng dệt vải ở Hải Dương... nhờ sự phát triển mạnh của thủ công nghiệp mà Đàng Ngoài đã một thời phồn thịnh trong việc ***~~giao dịch~~*** với nước ngoài.

Nghề khai mỏ cũng phát triển rất mạnh do nhu cầu kim loại của nhà nước. Đó là các mỏ vàng, đồng, kẽm, thiếc ở tại các vùng Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Sản lượng khai thác khá lớn, ví dụ như mỏ đồng Tụ Long ở Tuyên Quang nộp thuế vào năm 1773 đến một vạn cân đồng.

Hoạt động thương mại trong nước và đối với nước ngoài phát triển đáng kể. Các trung tâm ***~~giao dịch~~*** thu hút khách ngoại quốc là Kẻ Chợ (Thăng Long) và Phố Hiến.

### Đàng Trong

#### Khai thác đất phương Nam

Sau khi ly khai khỏi Đàng Ngoài, đối với chúa Nguyễn, việc mở mang lãnh thổ trở thành một nhu cầu bức thiết hòng có đủ thực lực mà cân bằng hoặc áp đảo chúa Trịnh. Vì thế các chúa Nguyễn tích cực đẩy mạnh cuộc Nam tiến.

Năm 1611, có cớ là người Chăm xâm lấn biên giới, Nguyễn Hoàng sai một tướng tài là Văn Phong đem quân đi đánh lấy phần đất phía Bắc của Champa và lập ra phủ Phú Yên. Sau đó, chúa cho chiêu tập lưu dân đến định cư ở đấy và khai thác đất đai. Năm 1653, nhân người Chăm hay đánh đòi lại Phú Yên, quân chúa Nguyễn lại tấn công xuống đến tận bờ Bắc sông Phan Rang. Vua Chăm là Bà Thấm phải xin hàng. Chúa Nguyễn lấy phần đất mới chiếm lập thành dinh Thái Khang.

Sau khi chấm dứt cuộc chiến với họ Trịnh (1727 - 1772), họ Nguyễn tích cực đẩy việc mở rộng lãnh thổ về phương Nam. Năm 1693, lấy cớ vua Chăm đánh phá phủ Diên Ninh, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Cảnh đem quân đi đánh Champa, bắt được vua Chăm là Bà Tranh cùng các cận thần trong đó có Kế Bà Tử. Vua Chăm cùng thuộc tướng bị đưa về giam giữ ở Ngọc Trản (Thừa Thiên). Chúa Nguyễn nhập phần đất cuối cùng của Champa vào Đàng Trong lập nên trấn Thuận Thành rồi đưa Kế Bà Tử về đấy làm Phiên Vương, hàng năm phải nộp cống.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long được các chúa Nguyễn khuyến khích khai hoang.

Năm 1659, nhờ sự hỗ trợ của chúa Nguyễn, Battom Reachea, một hoàng thân Chân Lạp lên nắm quyền và đến năm 1663 thì tức vị, trở thành Paramaraja VIII. Vì thế, Batom Reachea chấp nhận việc triều cống cho chúa Nguyễn, đồng thời cho phép người Việt được định cư trên lãnh thổ Chân Lạp, được quyền sở hữu đất đai mà họ đã khai thác cùng những quyền lợi khác giống như một công dân Khmer vậy.

Batom bị người con rể ám sát vào năm 1672, hoàng gia Chân Lạp lâm vào hoàn cảnh cực kỳ rối ren. Phó Vương Uday Surivans (tức là Ang Tan) cùng người cháu là Ang Non chạy sang nương nhờ chúa Nguyễn, trong khi tại kinh đô Oudong cuộc tranh ngôi vua xảy ra quyết liệt giữa người con rể và các người con của Batom Reachea. Ang Non được chúa Nguyễn nâng đỡ, đóng quân ở Prey Nokor.

Năm 1679, một nhóm người Trung Quốc cầm đầu là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên không chịu thần phục nhà Thanh, đã bỏ xứ, đem 50 chiếc thuyền đến đầu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn thâu nhận và phong tước cho họ rồi sai quân đưa họ vào đất Đông phố (Gia Định) và Mỹ Tho để khai khẩn đất hoang, làm ăn ***~~giao dịch~~***. Họ lập được hai trung tâm ***~~giao dịch~~*** nổi tiếng là Nông Nại đại phố và Mỹ Tho đại phố.

Đến thập niên 90 tình trạng bất ổn của Hoàng gia Chân Lạp vẫn kéo dài. Cuối cùng một người con của Batom Reachea lên ngôi vua. Đó là Jayajettha III mà sách sử Việt Nam gọi là Nặc Thu.

Quan hệ giữa Jayajettha III cùng chúa Nguyễn trở nên căng thẳng khi Jayajettha III cho giăng xích sắt ngang sông. Chúa Nguyễn hạ lệnh cho quân tiến phá xích sắt ấy đi (1689) và nâng đỡ hoàng thân Ang Non, khi ấy đang đóng tại Pey Nokor. Thoạt tiên Jaysjettha Iii nhờ Xiêm chống Ang Non, nhưng sau lại phải rước Ang Non về làm Phó vương. Sau khi Ang Non chết (1697), ông lại gã con gái của mình cho con trai của Ang Non là Ang Em (Nặc Yêm). Vào năm 1698 sai Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Đồng Nai, đặc nền móng hành chính của Đàng Trong tại đây Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập các xã, thôn, phường, ấp, định thuế, lập sổ đinh, sổ điền. Ngoài ra ông còn lập hai xã Thanh Hà và Minh Hương để quy tụ những người Hoa. Tất cả những công việc này được tiến hành nhanh chóng và hòa bình dưới sự công nhận mặc nhiên của Jayajettha III.

Vào đầu thế kỷ 18, lãnh thổ của Đàng Trong được mở rộng thêm nhờ việc sáp nhập của đất Hà Tiên. Nguyên Hà Tiên do một người Trung Hoa là Mạc Cửu mở mang, lập được 7 thôn nhưng thường bị quân Xiêm quấy nhiễu. Vì thế năm 1708, Mạc Cửu đến Thuận Hóa xin quy phục. Chúa Nguyễn Phúc Chu bèn lập Mạc Cửu làm Tổng binh Hà Tiên và đổi đất Hà Tiên thành trấn.

Năm 1732, Nặc Thu chính thức nhường cho chúa Nguyễn đất Mỹ Tho và Long Hồ.

Năm 1756 vua Chân lạp lúc bấy giờ là Nặc Nguyên nhường tiếp hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp (tức là Long An và Gò Công ngày nay - 1756). Một cuộc nhượng đất khác xảy ra vào năm 1761 sau khi chúa Nguyễn giúp Nặc Tôn lên làm vua. Quà tạ ơn của Nặc Tôn đối với chúa Nguyễn là đất Tầm Phong Long (Sóc Trăng, Trà Vinh). Sau đó Nặc Tôn còn tặng cho Mạc Thiên Tứ (đã thay cha cai quản đất Hà Tiên) năm phủ khác để tạ ơn đã giúp mình trong khi còn bôn ba. Mạc Thiên Tứ sáp nhập năm phù này vào đất Hà Tiên.

Như thế, trong một thế kỷ, chúa Nguyễn đã tiến đến mũi Cà Mau, làm chủ được một vùng rộng lớn từ sông Gianh cho đến vịnh Thái Lan.

#### Tổ chức cai trị



Tổ chức bộ máy cai trị của chúa Nguyễn chuyển dần theo quá trình phân ly của mình, từ bộ máy của một chính quyền địa phương dần dần trở thành bộ máy chính quyền của một nước riêng biệt, không những độc lập mà còn có phiên quốc nữa.

Thời Nguyễn Hoàng bộ máy cai trị vẫn là bộ máy chính quyền địa phương do triều đình vua Lê cử vào. Nguyễn Phúc Nguyên lên thay cha (1613) đã sửa đổi tổ chức cai trị, ông bổ nhậm lại quan lại thay cho những người đã được chúa Trịnh cử vào trước đây.

Nguyễn Phúc Nguyên đổi "dinh" Thuận Hóa thành "phủ" Thuận Hóa. Đứng đầu triều thần là tứ trụ đại thần gồm Nội tả, Ngoại tả, Nội hữu, Ngoại hữu.

Các tổ chức địa phương vẫn được gọi la dinh. Cho đến đời Nguyễn Phúc Khoát thì Đàng Trong có tất cả 12 dinh và một trấn:

Đứng đầu các dinh là Trấn Thủ, Cai bạ, Ký lục. ở cấp phủ, huyện có tri phủ, tri huyện. Ngoài ra còn có một ngạch quan riêng gọi là Bản đường quan, chuyên trách việc thu thuế.

Quan lại không có lương mà được cấp lộc điền và thu thuế của dân làm ngụ lộc. Lúc đầu quan lại được bổ nhiệm theo cách tiến cử nhưng về sau theo thi cử. Việc bổ nhiệm quan lại không tiến hành thường xuyên mà tùy theo nhu cầu của bộ máy.

Vào cuối thời kỳ chúa Nguyễn, tệ nạn mua quan bán tước cũng bành trướng như ở Đàng Ngoài vậy. Các quan cũng được thăng chức nếu nộp một số tiền lớn.

#### Kinh tế

Trên vùng đất mới mở, ngoài một số vùng đã được dân địa phương khai phá, còn lại là đất hoang ngút ngàn. Chúa Nguyễn tích cực khuyến khích việc đưa lưu dân vào khai thác các vùng đất mới này. Các đồn điền được thành lập làm cho sức sản xuất tăng cao, nhất là đất Gia Định "ruộng không cần cày, phát cỏ rồi cấy, cấy một hột thóc, gặt được 300 hột" (Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, bản dịch, Hà Nội, 1964).

Hỗ trợ cho việc khai hoang tại Nam Bộ và tạo thuận tiện trong việc di chuyển, ***~~giao dịch~~***, các chúa Nguyễn đã cho đào các con kênh quan trọng. Năm 1705, một con kênh được đào, nối liền hai nguồn của hai con sông Vũng Cù và Mỹ Tho. Nguyên ở hai nguồn sông này có hai điểm đô hội là chợ Thị Cai và chợ Lương Phú. Con kênh đào đã nối được hai điểm ấy lại. Tuy thế, con kênh này có giáp nước (nơi gặp nhau của hai dòng thủy triều) nên bùn cỏ hay bị tích tụ, phải đảo vét luôn. Qua đến đầu nhà Nguyễn, kênh được đào vét quy mô hơn và được đặt tên là sông Bảo Định. Một con kênh khác được đào vào năm 1972 kéo dài sông Cát ra phía Bắc (Chợ Lớn hiện nay). Kênh có hình thẳng nên được mang tên là kênh Ruột Ngựa. Tuy thế, vì đáy kênh cạn nên thuyền bè chỉ đi lại được khi nước lên mà thôi. Đến đầu đời nhà Nguyễn, kênh cũng được đào vét rộng ra. Dù việc đào kênh tại Nam Bộ vào thế kỷ XVII, XVIII chưa có quy mô lớn, nhưng nó đã tạo được tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XIX.

Hoạt động thủ công cũng phát triển, những làng thủ công nổi tiếng như xã Phú Trạch, huyện Hương Trà chuyên dệt chiếu lát, xã Đại Phước và xã Tuy Lộc (huyện Lệ Thủy) chuyên dệt chiếu cói. Đặc biệt nghề làm đường rất thịnh vượng. Đường đã từng là món hàng thu hút khách nước ngoài và trở thành phương tiện cho các chúa Nguyễn đổi lấy vũ khí của Tây phương. Ngoài ra, còn có những nghề thủ công mới hình thành nhờ vào sự giao lưu với người Tây phương như nghề làm đồng hồ, nghề đúc đồng. Có người thợ đồng hồ nổi tiếng Nguyễn Văn Tú đã từng theo học hai năm tại Hà Lan và đã truyền nghề lại cho gia đình. Tay nghề của họ đã làm cho người ngoài phải thán phục. Nghề đúc đồng có được những bước phát triển kỹ thuật Tây phương, nhất là trong lãnh vực đúc súng thần công nhờ có sự cộng tác của người thợ đúc Bồ Đào Nha Joao Da Cruz.

Hoạt động khai mỏ của Đàng Trong không được sôi động bằng Đàng Ngoài nhưng cũng đem lại cho chúa Nguyễn một nguồn lợn nhuận đáng kể. Khoáng sản được khai thác chủ yếu là sắt và vàng. Mỏ sắt có ở xã Phú Bài thuộc huyện Phú Vang, xã Điển Phúc thuộc Bố Chính. Mỏ vàng thì ở nhiều nơi nhưng nổi tiếng nhất là các mỏ ở Quảng Nam. Tại đây sông cũng có vàng mà núi cũng có vàng. Một ngày rửa đãi đất có thể tìm đầy cả bong bóng trâu. Vàng cũng như đường đã làm cho khách buôn nước ngoài đổ xô đến Hội An để tìm mua.

***~~Giao dịch~~*** cũng được phát triển. Những trung tâm ***~~giao dịch~~*** lớn mọc ra như Nông Nại Đại Phố, Hà Tiên... và nhất là Hội An.

Các chúa Nguyễn không duy trì được tình trạng phồn thịnh này vào cuối thế kỷ 18. Tham nhũng, cường hào đã là những nguyên nhân chủ yếu đưa tầng lớp nông dân vào cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

#### Việc giao thiệp với các nước phương Tây

Cả hai chúa Trịnh và Nguyễn đều mở cửa giao thiệp với nước ngoài nhất là với các người phương Tây. Hai thành phố quan trọng trong việc ngoại thương thời ấy là Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội An ở Đàng Trong. Các người ngoại quốc có quyền lập thương điếm tại hai thành phố trên. Các hàng hóa xuất khẩu là tơ, lụa, kỳ nam, trầm hương, tiêu, quế, đường, vàng, tổ chim yến...

Hàng nhập chủ yếu là vũ khí và các đồ thủ công tinh xảo của Tây Phương.

Vào đầu thế kỷ 17, bạn hàng quan trọng của cả hai Đàng là Trung Quốc và Nhật Bản. Cả hai Đàng đều cố gắng chiếm độc quyền mối quan hệ với Nhật Bản, nhưng người Nhật vẫn duy trì cuộc trao đổi tam phương, cung cấp vũ khi cho chúa Trịnh lẫn chúa Nguyễn. Thương buôn Nhật nhờ đó làm giàu nhanh chóng. Việc ***~~giao dịch~~*** này kéo dài cho đến năm 1636 khi nhà cầm quyền Nhật Bản cấm người Nhật xuất dương thì chấm dứt.

Người Tây Phương đầu tiên đến lập quan hệ ***~~giao dịch~~*** với Đại Việt là người Bồ Đào Nha. họ đến Hội An vào khoảng giữa thế kỷ 16 và thực hiện thương mại ấn - ấn (tức là việc ***~~giao dịch~~*** được thực hiện trong vùng từ Ấn Độ đến Đông Á và ngược lại). Đến đầu thế kỷ 17, tức là khi chúa Nguyễn Hoàng đã ly khai với Đàng Ngoài rồi, công cuộc ***~~giao dịch~~*** của người Bồ tại Hội An rất phát đạt và gần như độc quyền. Vào năm 1615 các cha cố Thiên Chúa giáo theo thương nhân đến giảng đạo tại Đàng Trong và bắt đầu việc phiên tiếng Việt ra chữ Quốc Ngữ. Vào năm 1626, người Bồ ra Đàng Ngoài đặt quan hệ ***~~giao dịch~~*** và được chúa Trịnh tiếp đãi niềm nở. Từ đấy họ ***~~giao dịch~~*** với cả hai Đàng, nhưng chủ yếu là với Đàng Trong.

Năm 1636, người Hà Lan đến ***~~giao dịch~~*** tại Hội An, một thời gian sau, họ cắt đứt với chúa Nguyễn mà chỉ ***~~giao dịch~~*** với Đàng Ngoài, và trở thành đồng minh của chúa Trịnh trong việc đánh phá Đàng Trong. Năm 1644, họ đem ba chiến thuyền định kết hợp cùng quân Trịnh đánh quân Nguyễn. Nguyễn Phúc Tần, lúc ấy là Thế tử, đã đánh đắm được chiếc thuyền chỉ huy cùng viên thuyền trưởng.

Người Pháp đến Đại Việt vào thập kỷ 60. Đó là những thừa sai thuộc Hội Thừa Sai Paris. Nhưng những thừa sai này mang danh nghĩa của Hãng Đông ấn thuộc Pháp, đến Đàng Ngoài dưới bộ áo thương buôn, còn đến Đàng Trong thì phải lén lút vì bấy giờ các chúa đã có chủ trương cấm đạo. Họ thực hiện việc truyền đạo trong bí mật.

Người Anh đến Đại Việt vào năm 1762 tại Phố Hiến. Nhưng cuộc ***~~giao dịch~~*** của người Anh tại đây không lâu bền. Thị trường Đàng Ngoài không đem lại nhiều mối lợi cho thương nhân nữa. Người Anh rời thị trường này vào 1697. Ba năm sau người Hà Lan cũng ngừng ***~~giao dịch~~*** với Đàng Ngoài. Người Bồ cũng rời bỏ Đàng Ngoài, đồng thời công việc ***~~giao dịch~~*** của họ với Đàng Trong cũng trở nên rời rạc.

Qua thế kỷ 18, hoạt động ngoại thương của Đại Việt ngưng trệ. Chỉ còn ở Đàng Ngoài là các thừa sai dưới danh nghĩa thương nhân, họ làm những công việc lặt vặt như sửa đồng hồ, sửa các dụng cụ thiên văn, toán học. ở Đàng Trong thì thỉnh thoảng mới có tàu buôn của Bồ Đào Nha đến.

## Các vấn đề xã hội văn hóa

### Tôn giáo

Tiếp theo thời Lê, Nho giáo vẫn được chúa Trịnh và chúa Nguyễn duy trì. Các kỳ thi nho học đều được tổ chức ở cả hai miền. Nhưng chiến tranh, việc thay vua đổi chúa xảy ra liên tục làm cho kỷ cương Nho giáo không còn cứng nhắc như trước nữa. Một số nhà nho xem họ Mạc, họ Trịnh, họ Nguyễn đều là những người theo bá đạo nhưng một số khác lại chấp nhận sự thay đổi chủ, khi theo Mạc, khi theo Trịnh, lúc đang ở với Trịnh lại về Nguyễn, không lên án những lần thí vua của họ Trịnh. Nguyên tắc của Nho giáo không còn được xem như mẫu mực cho việc xử thế nữa.

#### Phật giáo

Phật giáo dần dần hưng thịnh trở lại. Các chúa Trịnh nâng đỡ việc phát triển của Phật giáo và cho xây cất cùng sửa chữa nhiều chùa chiền. Cứ mỗi lần có chùa hoặc chuông được hoàn thành là dân chúng quanh các vùng ấy được miễn thuế vì đã góp phần xây chùa. Chúa Trịnh Giang cho người sang Trung Quốc thỉnh Kim Cang hòa thượng sang giảng thiền học cho mình và cho dân chúng.

Một số phái Thiền mới xuất hiện. Vào cuối thế kỷ 16, phái Thiền Tào Mộng của Trung Hoa được truyền vào Đàng Ngoài do nhà sư Thủy Nguyệt. Vị thiền sư này đã theo học với vị tổ thứ 35 của phái Tào Động tại Trung Hoa. Khi về nước, ông lập nên phái Tào Động Việt Nam. Nhiều chùa của giáo phái này được xây lên ở Thăng Long như chùa Hòa Giao, Hàm Long, Trấn Quốc...

Một phái Thiền khác - phái Liên Tôn xuất hiện vào cuối thế kỷ 17 do thiền sư Chân Nguyên. Phái này là tái sinh của phái thiền Trúc Lâm nhà Trần. Thiền sư Chân Nguyên người quê ở Hải Dương, sinh năm 1614, xuất gia năm 19 tuổi, tu tại núi Yên Tử... Chân Nguyên có một đệ tử là vương công Trịnh Thập, và chính vị vương công này, sau khi xuất gia, đã biến nhà riêng của mình thành chùa, đó là chùa Liên Phái (ở đường Bạch Mai, Hà Nội).Thiền sư và các đệ tử hết mình khôi phục lại phái thiền Trúc Lâm Yên Tử, đã cho khắc lại tác phẩm "Khóa Hư Lục", "Thiền uyển tập anh", "Tam tổ thực lực"... của đời Trần. Các tác phẩm này đã may mắn thoát khoải việc tịch thu của nhà Minh nhờ được cất giấu tại các chùa xa xôi hẻo lánh.

Cũng như họ Trịnh, họ Nguyễn nâng đỡ Phật giáo. Từ năm 1601, khi mới tách ly ra khỏi chính quyền trung ương ở Thăng Long, Nguyễn Hoàng đã cho xây ngồi chùa Thiên Mụ danh tiếng ở Huế. Nguyễn Hoàng cho phổ biến nguyên nhân việc xây chùa Thiên Mụ như sau: Dân chúng gặp bên bờ sông Hương một bà lão mặc áo đỏ ngồi trên gò đất (hiện nay là nơi tọa lạc của chùa). Bà nói cho dân chúng biết rằng sẽ có minh chủ xuất hiện để xây dựng cơ đồ bền vững tại đấy. Vì thế, để ghi nhớ đến việc này, chúa cho xây chùa và đặt tên là Thiên Mụ (người phụ nữ linh thiêng ở trên trời). Chùa này được trùng tu nhiều lần và trở nên một danh thắng của Huế.

Phái thiền Lâm Tế Việt Nam xuất hiện dưới thời chúa Nguyễn do Tạ Nguyên Thiều, một thiền sư Trung Quốc phải lưu vong vì biến cố nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ. Nhà sư này đến Quy Nhơn vào năm 1665, tại đây, ông xây chùa và truyền bá đạo Phật. Vào những năm 80 ông đến Huế thuyết pháp và xây ngôi chùa Quốc Ân. Ông được chúa Nguyễn sai đến Quảng Châu để thỉnh tượng Phật cùng thỉnh các thiền tăng về Đàng Trong để hành pháp (cuối thế kỷ 17).

Một thiền sư xuất sắc của phái này là Liễu Quán, đã có công lập nhiều chùa quan trọng nhu chùa Thiền Tôn ở núi Thiên Thai, chùa Viên Thông ở núi Ngự Bình (Huế).

Một trong số thiền tăng được Tạ NguyênThiều mời về là Hòa thượng Thạch Liêm, tức là Thích Đại Sán, tác giả của tác phẩm Hải ngoại kỷ sự. Tác phẩm này là một sử liệu quý báu, không những chỉ cho ta biết được mức độ sùng đạo Phật của các chúa Nguyễn mà còn thể hiện sống động cuộc sống, tập tục của xã hội Đàng Trong thời ấy.

Chính Thích Đại Sán đã du nhập giáo phái Tào Động vào Đàng Trong, và nhu nhận chúa Nguyễn Phúc Chu làm đệ tử thứ 29 của giáo phái này.

Mặc dầu được khuyến khích, Phật giáo dưới thời kỳ phân liệt này vẫn không tìm lại được vẻ huy hoàng của thời Lý và Trần, thậm chí có những lúc vì nhu cầu chiến tranh, chúa Trịnh tịch thu chuông chùa để lấy đồng đúc súng và tiền.

Quang niệm Tam giáo đồng nguyên phát triển. Theo quan niệm này, cả ba tôi giáo Nho, Phật, Lão đều có cùng một nguồn gốc độc nhất. Từ đó, tư tưởng này thấm sâu vào dân chúng để biến thành một dạng tôn giáo hỗn hợp, vay mượn từ mỗi tôn giáo một số lễ nghi để thờ cúng.

#### Thiên chúa giáo

Một tôn giáo mới xuất hiện tại Việt Nam vào thời ấy là Thiên Chúa giáo. Trước thời kỳ này đã có một số giáo sĩ Đại Việt truyền giáo, nhưng những hoạt động của họ không để lại dấu tích gì quan trọng. Công cuộc truyền giáo thật sự trở nên có hệ thống chỉ từ năm 1615. Năm ấy, một số giáo sĩ thuộc dòng Tên đến Đàng Trong xin giảng đạo và được chúa Nguyễn cho phép cư ngụ tại Hội An. Mười năm sau, thấy công cuộc truyền giáp gặp được thuận lợi ở Đàng Trong, các giáo sĩ dòng Tên đến Đàng Ngoài (1626) và cũng được tiếp đón niềm nở. Trong số này có Alexandre de Rhodes.

Tuy thế, việc hành đạo của tôn giáo mới này đi trái lại với một số phong tục cổ truyền chẳng hạn như không chấp nhận việc thờ cúng Tổ tiên, quan niệm tôn quân và các đạo lý của Nho giáo, vốn đã ăn sâu trong xã hội Đại Việt. Sự quy tụ các giáo dân và sự phục tùng truyệt đối của họ vào những người ngoại quốc làm cho cả hai họ Trịnh Nguyễn lo sợ. Vì thế hai nhà chúa đã hạn chế việc truyền đạo và dần dần đi đến việc cấm đạo.

Alexandre de Rhodes bị trục xuất vào năm 1630. Vào năm 1643, Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo. Năm 1663, Trịnh Tạc ban bố những điều giáo hóa phong tục cho toàn dân, trong đó có nhắc đến việc cấm "tà đạo". Năm 1696, Trịnh Căn lại nhắc đến lệnh cấm đạo mà ông gọi là đạo Hoa Lang.

ở Đàng Trong, chúa Nguyễn cũng cấm đạo. Chúa Nguyễn có vài lần trục xuất các nhà truyền giáo, nhưng không đến nỗi khắc khe vì chính các chúa đã dùng các nhà truyền giáo làm thầy thuốc riêng, hoặc làm nhà thiên văn, nhà toán học cho mình. Do đó, việc cấm đạo tại Đàng Trong không quá nghiên khắc như Đàng Ngoài.

Dù gặp phải nhiều khó khăn trong việc truyền đại, các giáo sĩ vẫn kiên trì hoạt động và lần hồi đạo Thiên chúa trở thành một trong những tôn giáo quan trọng của Việt Nam.

### Văn học

Vào thời này dù có nhiều cảnh chiến tranh, nhưng nền văn học vẫn phát triển. Các tác phẩm được viết bằng chữ Hán lẫn chữ Nôm. Đặc biệt chữ Nôm không những nhiều về số lượng mà còn phong phú về nội dung và hình thức. Một số thi xã được hình thành như thi xã Bạch Vân với Nguyễn Bỉnh Khiêm ở Hải Dương vào cuối thế kỷ 16, Chiêu Anh Các với Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên vào thế kỷ 17.

Thời này có một khuynh hướng văn học rất tích cực là việc sưu tầm và chép lại hoặc bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ Hán các chuyện truyền khẩu trong dân gian, nhờ thế một số truyện dân gian được chép vào thời ấy còn truyền đến ngày nay như truyện "Thạch Sanh", "Truyền kỳ mạn lục", "Truyền kỳ tân phả"...

Văn học chữ Hán rất phong phú với các tác phẩm Bạch Vân am tập của Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng công thi tập, Mai lĩnh sứ hoa thi tập của Phùng Khắc Khoan, Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ, Chinh Phụ ngâm của Đặng Trần Côn, Ngọ Phongvăn tập của Ngô Thì Sĩ, Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề, Tục Truyền kỳ của Đoàn Thị Điểm, Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia văn phái, Dao đình sứ tập của Hồ Dĩ Đống, Thượng kinh ký sự của Lê Hữu Trác, Hà Tiên thập vịnh của Mạc Thiên Tứ và nhất là tác phẩm quan trọng của Lê Quý Đôn như Phủ biên tạp lục, Vân Đài Loại ngử, Kiến văn tiểu lục...

Các tác phẩm bằng chữ Nôm cũng không kém phần phong phú, đặc biệt là đã xuất hiện những truyện dài chữ Nôm. Có thể kể một số tác phẩm bằng chữ Nôm thời ấy như Ngọa Long cương của Đào Duy Từ, Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm, Cung oán ngậm khúc của Nguyễn Gia Thiều, Cung oán thi của Nguyễn Hữu Chính, Hoa tiên truyện của Nguyễn Huy Tự... Ngoài ra còn có nhiều tác phẩm khuyến danh bằng chữ Nôm rất có giá trị như Trê cóc, Trinh thử, Thạch Sanh, Phạm Tử Ngọc Hoa, Phạm Công Cúc hoa, Tống Trân Cúc Hoa, Quan Ânm thị kính, Phan Trần, Nhị Độ mai, Bạch Viên Tôn Các...

Các ca dao tục ngữ, bài vè, chuyện khôi hài, châm biếm chiếmmột số lượng quan trọng trong kho tàng văn học dân gian. Các vua quan, thầy tu không chân chính, thầy bói... đều là những đối tượng để châm biếm đả kích... như trong các truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn...

Một số sách sử quan trọng được ra đời. Năm 1663, Trịnh Tạc cho viết tiếp cuốn "Đại Việt sử ký" của Lê Văn Hưu và Lê Quý Đôn từ 1533 đến 1662. Sau đó Trịnh Căn lại cho soạn tiếp cho đến 1675. Bộ sử tục biên này được khắc in vào năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Đến đời Trịnh Sâm, cuốn sử này lại được tiếp tục từ 1676 cho đến 1775. Ngoài ra còn có một số sách sử như Hoàng Lê ngọc phổ, Trịnh gia thế phả dùng để đốn chiếu các niên đại, Đại Việt Thông sử của Lê Quý Đôn, Đại Việt lịch triều đăng khoa lục của Nguyễn Hoàn, Việt sử bị lãm của Nguyễn Nghiễm, Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ... Đặc biệt cuốn Thiên Nam ngữ lục là quyển sử đầu tiên viết bằng thơ Nôm gồm hơn 8.000 câu lục bát được sáng tác dưới đời Trịnh Căn.

Một sự kiện đáng chú ý dưới thời này là sự ra đời của chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ ra đời cho một số giáo sĩ đạo Thiên Chúa muốn cho việc truyền giáo đạt được kết quả, đã phiên tiếng Việt bằng mẫu tự Latin quen thuộc của họ. Công phiên chữ quốc ngữ này là của nhiều giáo sĩ, trong đó đáng kể là Alexandre de Rhodes đã hoàn thành bộ tự điển "Việt - Bồ - La" vào năm 1651.

### Nghệ thuật

Cũng như văn học, nghệ thuật thời này phát triển mạnh mẽ dù bối cảnh chiến tranh luôn luôn sẵn sàng phá hoại những tác phẩm tài hoa.

Nghệ thuật đúc đồng tiến tới việc đúc những tác phẩm có kích thước to lớn. Tượng Trấn Võ bằng đồng đen được chúa Trịnh cho đúc vào năm 1692 cao đến 3,28m, nặng gần 4 tấn. ở Đàng Trong chúa Nguyễn cũng cho đúc nhiều vạc đồng lớn, trong số vạc đồng này có chiếc nặng đến 1.588kg, đường kính 2,2m, cao 1,48. Trên vạc có nhiều hình chạm nổi hoa lá đường nét tinh vi phóng khoáng.

Nghệ thuật chạm khắc rất điêu luyện với các đề tài mang đậm tính dân gian như các cảnh sinh hoạt hàng ngày, chèo thuyền, hái hoa, gánh con, bổ củi, làm xiếc... (ở đình Tây Đằng, Hà Nội). Đến giữa thế kỷ 18, cùng với việc xây dựng chùa chiến, nghề chạm khắc càng phát triển và càng đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Chạm khắc đá cũng công phu, tinh xảo như ở chùa Ninh Phước, bia Lam Sơn, bia Nam Giáo. ở lăng của Nguyễn Điền (Bắc Ninh) xây năm 1769 thì những đường nét trang trí lại mang tính chất kỹ hà học, những đường cong trước đây được thay thế bằng những đường thẳng. Các chữ, các cảnh đều được đóng khuông trong những ô vuông cân đối.

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc đã có những công trình mang tính sáng tạo độc đáo. Vào những năm Chính Hòa (1680 - 1705) chùa Hương Tích được xây dựng. Nhờ vào sự hài hòa giữa kiến trúc và phong cảnh thiên nhiên mà chùa Hương Tích được mệnh danh là "Nam Thiên đệ nhất động" (động đẹp nhất trời Nam). Một số chùa khác được xây dựng với qui mô lớn có giá trị về nghệ thuật kiến trúc như chùa Bút Tháp (xây năm 1646) chùa Keo (thế kỷ 16), chùa Tây Phương...

## Di tích, Danh thắng tiêu biểu

#### Chùa Hương Tích

Chùa Hương Tích tọa lạc tạ địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức (Hà Tây), cách thủ đô Hà Nội chừng 60km về phía Tây Nam. Chùa Hương Tích còn được gọi là chùa Hương Sơn, hoặc một cách ngắn gọn là chùa Hương. ở đây có sơn thủy hữu tình, không gian khoáng đạt và là nơi chứa đựng nhiều truyền thuyết, huyền thoại.

Hàng năm cứ vào tiết tháng hai, tháng ba âm lịch nơi đây lại diễn ra hội lớn. Những phật tử vá chân đất, những tao nhân mặc khách, những danh nhân văn hóa, những bậc đế vương... đều đến Hương Sơn. Các thi sĩ của các thời đại đã bao lần xúc động trước vẻ đẹp kỳ diệu của Hương Tích, đã để lại những vần thơ ca ngợi danh thắng này.

Vào năm Canh Dần 1770, Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm võng lọng đến đây và để lại những bài thơ trên vách đá, trong đó có câu bất hủ "Nam thiên đệ nhất động" (động đẹp nhất trời Nam). Qua nhiều đời, người ta khó mà thống kê hết được bao nhiều dài thơ ca ngợi về vẻ đẹp Hương Sơn. Thực dân Pháp cũng phải công nhận giá trị văn hóa của di tích này. Vào năm 1925, Phủ Toàn quyền Pháp ở Đông Dương đã ký văn bản liệt hạng di tích cho Hương Sơn. Khi miền Bắc được giải phóng (1954), Hương Sơn được Nhà nước xếp hạng ngay từ đợt đầu. Ngày 21 tháng 2 năm 1991, Nhà nước đã ra quyết định cho Bộ Văn Hóa - Thông tin cùng các ngành hữu quan, tỉnh Hà Tây, ủy Ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam làm hồ sơ đăng ký di tích Hương Sơn (cùng Hạ Long, Huế, Hoa Lư, Vườn quốc gia Cúc Phương) vào danh mục di sản thế giới.

Để đi chùa Hương, du khách có thể đi từ Hà Nội qua thị xã Hà Đông tới Vân Đình và vào Bến Đục rồi thâm nhập vào cảnh quan của danh thắng:

#### Làng gốm Bát Tràng

Làng Bát Tràng nằm ven sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội 15km về phía Đông Nam. Làng gốm nổi tiếng này đã xuất hiện từ lâu và trở nên rõ nét là một làng nghề từ thời nhà Lê. Đến cuối thế kỷ XVI danh tiếng Bát Tràng lừng lẫy khi bước vào quá trình chuyên môn hóa với việc sản xuất gốm sành trắng hoa lam.

Sản phẩm gốm hoa lam của thế kỷ này tập trung vào các vật dụng để ăn uống và thờ cúng. Các vật dụng này có dáng vươn lên theo chiều cao, ngay cả bát, dĩa cũng có chân cao. Chất liệu thuộc loại sành trắng có độ nung cao và kỹ thuật hoàn nguyên tốt.

Sản phẩm của Bát Tràng có chất lượng cao và nổi tiếng đã có mặt trên đất nước

Nhật từ thế kỷ 16. Người Nhật thời bấy giờ đã sản xuất phỏng theo gốm Bát Tràng. Loại gốm này được mang tên là gồm Kotchi (Giao Chỉ). Ngày nay, trong bảo tàng Tokugawa vẫn còn lưu giữ một số gốm Bát Tràng do thương thuyền Nhật đem về từ thế kỷ này.

Gốm Bát Tràng, với kỹ thuật điêu luyện đã không hề mai một theo thời gian, mà trái lại ngày càng phát triển cho đến hôm nay.

Chất liệu chính của sứ Bát Tràng là đất cao lanh có sức chịu nhiệt cao (135oC). Nhờ nung dưới nhiệt độ cao như thế nên sản phẩm Bát Tràng rất bền và chắc.

Men gốm Bát Tràng ngày nay không chỉ thuần là hoa lam mà có loại men giả cổ, men rạn tam thái, men rạn chàm, sứ táp lửa, sứ trộn sơn...

Sứ men giả cổ có màu trắng bóng và chỉ dùng màu lam để trang trí, mô phỏng theo các đồ sứ thời Khang Hy, Càn Long của nhà Thanh xưa.

Sứ men rạn có những vết rạn như những hoa văn tự nhiên và thường dùng ba màu để tranh trí nên gọi là men rạn tam thái. Sứ men rạn chàm cũng giống sứ tam thái nhưng chỉ dùng một màu trong trang trí.

Sứ táp lửa thường không tráng men, được để trực tiếp trên ngọn lửa khi nung nên có màu sắc tự nhiên, thường là màu nâu đỏ ngả sang nâu đen. Sứ táp lửa nặng và bền, mô phỏng theo sứ đời Tống.

Sứ trộn sơn được làm bằng cách trộn bột đá màu với đất cao lanh. Tùy theo tỷ lệ pha trộn mà màu sứ thay đổi từ nâu đỏ, thâm đỏ sang đỏ cam... Sứ trộn sơn không có trang trí bằng những loại men màu khác nên mang dáng vẻ cổ kính. Đó là sản phẩm đặc biệt của Bát Tràng.

Chủ đề sáng tác của gốm Bát Tràng đa dạng nói lên cuộc sống và thiên nhiên. Đó là các con giống như con gà, con lợn, con mèo... hoặc ông câu, cô tiên, tháp, chùa, đến các đồ thờ như chân đèn, lư hương, bát nhang, bình hoa hoặc các vật dụng hàng ngày như lọ, chén, dĩa, hộp...

Làng vẫn duy trì cách sản xuất thủ công từ việc chuẩn bị đất cho đến khi ra lò. Bí quyết nhà nghề được truyền từ đời này sang đời khác và hiện vẫn được lưu giữ trong các gia đình nghệ nhân Bát Tràng. Hỗu hết các khâu đều làm bằng tay từ luyện đất cho đến vẽ trang trí và nung. Sau khi luyện đất một cách công phu, nghệ nhân với bàn tay khéo léo tạo dáng cho đất theo bàn xoay. Sau đó là trang trí, phun màu, phun men và cuối cùng là nung trong lò.

Hiện nay có khoảng 1500 lò nung gốm sứ của các hộ gia đình. Ngoài ra, còn có một số đơn vị doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn. Đó là môi trường cho những người thợ thủ công giỏi phát huy tài năng của mình.

Mặc dù được phát triển và nổi tiếng, nhưng hiện nay Bát Tràng đang gặp phải một số khó khăn, trong đó nghiêm trọng nhất là cơ sở hạ tầng yếu kém cùng vấn đề ô nhiễm môi trường. Hệ thống giao thông của Bát Tràng hoàn toàn không đáp ứng được nhu cầu của phát triển. Đường sá hẹp, dốc, bị cày xới thường xuyên bởi những chiếc xe chở hàng nặng nề, lầy lội vào mùa mưa, bụi bặm vào mùa nắng. Cộng vào đó là khói của hàng ngàn lò nung lớn, nhỏ, làm cho môi trường làng nghề ô nhiễm nặng nề. Nhiều cư dân bị lao phổi, ung thư phổi. Hiện nay Bát Tràng đang cố gắng cải tạo môi trường của mình, trồng thêm nhiều cây xanh, cải tạo một số con đường, nhưng kết quả chưa đáng kể.

Gốm Bát Tràng hiện nay rất có giá trị trên thị trường quốc tế vì tính truyền thống và thủ công của nó. Làng Bát Tràng thu hút nhiều khách du lịch. Du khách đến có thể tận mắt nhìn ngắm các nghệ nhân đang lao động sáng tạo, tận tay mua sản phẩm và còn có thể đặt hàng theo ý muốn của mình nữa. Ngoài ra, tại Bát Tràng còn có nhiều di tích văn hóa lịch sử như chùa Tiêu Dao, chùa Kim Trúc, đình Giang Cao, chùa Bảo Minh... làm cho Bát Tràng thêm đa dạng, lôi cuốn nhiều du khách.

#### Hà Tiên

ở Đàng Ngoài có "Nam thiên đệ nhất động" thì Đàng Trong cũng có đệ nhất thắng cảnh Hà Tiên, vùng đất được hàng bao thế hệ lưu dân tôn tạo ở cực Nam của Tổ quốc.

Hà Tiên xưa có tên là Mang Khảm vốn là nơi hoang vu, đến thế kỷ XVII mới bắt đầu được khai phá. Người có công đáng kể nhất trong việc biến vùng đất hẻo lánh này thành nơi đô hội là Mạc Cửu (1652-1735).

Mạc Cửu vốn là thương gia người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), có thuyền đi lại ***~~giao dịch~~*** giữa Trung Hoa và các nước Philippines, Batavia (Indonesia). Sau khi nhà Minh sụp đổ, nhà Thanh nắm quyền, Mạc Cửu không thần phục nhà Thanh, rời xứ đến xin vua Chân Lạp cho khai phá và mở mang đất Mang Khảm. Mạc Cửu lập nên bảy xã thôn ở vùng ven vịnh Thái Lan. Nhưng đến năm 1688 quân Xiêm đến cướp phá và Mạc Cửu bị bắt đưa về Xiêm mãi đến năm 1700 mới được thả trở lại Hà Tiên.

Để có một chữ dựa vững chắc, Mạc Cửu xin quy phục chính quyền Đàng Trong (1708). Chúa Nguyễn Phúc Chu liền chấp nhận, đổi vùng này thành Hà Tiên trấn và phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn. Người Việt và người Hoa đi đến đấy sinh sống lập nên ruộng đồng phì nhiêu, phố xá trù phú.

Hà Tiên là nơi một nơi non sông kỳ tú. Theo truyền thuyết, Hà Tiên có tên gọi như thế vì vào mấy thiên niên kỷ mới, trong một đêm trăng sáng lung linh, một bầy tiên nữ giáng trần đến đấy vui chơi, múa hát rồi cùng nhau xuống tắm mát dưới Đông Hồ. Các nàng tiên về trời, để lại hình ảnh của mình qua tên gọi "Hà Tiên".

Cảnh sắc thiên nhiên của Hà Tiên đã được người đương thời ca tụng và cũng chính nơi đây xuất hiện nhóm Tao Đàn Chiêu Anh Các do Mạc Thiên Tứ (con của Mạc Cửu) lập. Chiêu Anh Các gồm nhiều nhà thơ Việt Nam và Hoa cùng hội lại với nhau để sáng tác, ngâm vịnh, đàm luận. Có tác phẩm được chú ý hơn cả là "Hà Tiên thập vịnh" tả mười cảnh đẹp của Hà Tiên lồng trong sinh hoạt của cư dân để tạo dựng lên bức tranh ngư tiều canh mục:

Thạch Động thôn vân" cách thị xã Hà Tiên khoảng 3km cạnh quốc lộ 17. Có đường xe đi đến tận cửa hang. Hang ở cao độ chừng 50m, nằm trong một hòn núi đá xanh trơ trọi trên một vùng bằng phẳng. Hang Thạch Động sâu hun hút và khá rộng. Tại đây, mây và mây. Mây bao trùm cảnh vật, mây trôi lững lờ đây đó, mây phiêu lãng luồn vào động. Một chốn trữ tình.

Đông Hồ, nơi hân hạnh được các nàng tiên xuống tắm là một hồ nước khá rộng nằm phía Đông thị xã Hà Tiên, chiều ngang của hồ khoảng chừng 2km, chiều dài khoảng chừng 3km. Chung quanh hồ có núi Ngũ Hổ, núi Tô Châu che chắn. Đáy hồ phủ đầy cát trắng mịn màng, nước xanh trong vắt. Những đêm trăng tỏ, ánh trăng xuyên tận đáy hồ qua làn nước lung linh tạo nên một cảnh huyền ảo, thần tiên làm say đắm bao thi nhân.

Nam Phố là một vùng bãi biển có hai bãi cát là bãi Heo và bãi ớt. Đây là những bãi tắm lý tưởng, nhất là bãi ớt quanh năm trời yên biển lặng. Trước năm 1945 có một số người Pháp đã đến đây lập đồn điền trồng cà phê, nông trại nuôi heo nhưng thất bại phải rút lui, trả thiên nhiên trở về thành cũ.

Ngoài ra còn có bãi Dương với những hàng dương lả lướt theo gió, Hòn Trẹm, một quả đồi nhỏ nhô ra biển. Cách hòn Trẹm chừng một cây số là hòn Phụ Tử, nằm giữa biển cách bờ chừng 200m. Ngày trước, hòn Phụ tử có tên là Thố đảo (đảo Con Thỏ) vì người xưa nhìn thấy là hình ảnh con thỏ đang giỡn nước, khác với sự tưởng tượng của các thế hệ sau, qua hình dáng vững chắc của các cột đá mà gắn cho tình cha con. Hai trụ đá cao, nghiên song song vùng chiều, ở giữa hai trụ đá cao ấy là một tảng đá thấp, cả ba tảng đều dính liền nhau. Trụ đá phía trước là cha, con ở giữa, sau lưng con là mẹ. Thật xứng đáng là đệ nhất thắng cảnh của Nam Bộ.

Cũng như mọi miền đất nước, Hà Tiên còn có các cảnh chùa thanh u như chùa Lũng Kỳ do Mạc Cửu xây nên vào năm 1715, chùa Địa Tạng trong núi Địa Tạng, chùa Hang ở không xe hòn Trẹm. Những địa điểm ấy bổ sung cho sự hoàn thiện của danh thắng Hà Tiên. Bên cạnh vẻ đẹp thiên nhiên độc đáo, Hà Tiên còn là một miền kinh tế đặc sắc với miệt vườn tiêu ngút ngàn và cũng là nơi sinh sống của giống đồi mồi, góp phần làm nên nét riêng của Hà Tiên.

# Nhà Tây Sơn ( 1771 - 1802 )

## Tình hình Đại Việt trong ba thập niên cuối thế kỷ XVIII

### Bối cảnh xã hội Đàng Trong

Vào những năm 60, 70 của thế kỷ 18, chế độ chúa Nguyễn ở Đàng Trong bắt đầu buổi thoái trào. Bên trong nội bộ chính quyền lủng củng còn ngoài xã hội thì giặc giã, thất mùa và đói kém.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, quyền thần Trương Phúc Loan bắt đầu lộ diện. Trương Phúc Loan vốn có chị ruột là Nguyên phi của chúa Nguyễn Phúc Chú. Bà này là mẹ của chúa Nguyễn Phúc Khoát. Khi Nguyễn Phúc Khoát lên làm chúa, Trương Phúc Loan được phong đến Ngoại tả Đạt Quận công. Khi chúa Nguyễn Phúc Khoát chết, theo di chiếu, đáng lẽ người con thứ hai là Nguyễn Phúc Luân lên nối ngôi (Thế tử đã chết, con của Thế tử còn nhỏ) nhưng Phúc Loan phế Phúc Luân đi và bắt giam rồi giết người thầy học của Nguyễn Phúc Luân và Cai cơ Trương Văn Hạnh. Uy hiếp được những người ủng hộ Nguyễn Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Thuần, mới 12 tuổi lên ngôi chúa. Vì Nguyễn Phúc Thuần còn nhỏ nên mọi việc trong ngoài đều do Trương Phúc Loan quyết định. Loan lên làm Quốc phó, cầm đầu bộ Hộ và kiêm một chức vụ béo bở thời đó là Cai Tàu vụ, chuyên trách việc thu và đánh thuế các tàu buôn. Hai người con trai của Loan lấy hai Công nữ của chúa Nguyễn Phúc Khoát, đều giữ chức Chưởng binh, Cai cơ. Thế lực của gia đình Loan bao trùm lên ngôi chúa. Bổng lộc của Loan rất lớn. Do vị trí cầm đầu bộ Hộ và Tàu vụ, mỗi năm Loan thu vào không dưới 3,4 văn quan. Loan lại cho chân tay giữ những cửa sông, cửa biển trọng yếu để thu thuế sản vật ở các nguồn Đồng Hương, Trà Vân, Trà Sơn mỗi năm đến 4,5 vạn quan. Thêm vào đó, Loan còn bán quan, buôn ngục. Loan giàu có lớn lại tham lam, đặt ra nhiều thứ thuế nặng nề, nhiều hình phạt ác động nên dân chúng gọi Loan là Trương Tấn Cối.

Bên cạnh nạn tham nhũng, người dân Đàng Trong còn phải chịu cảnh thiên tai như động đất, núi lở, nước đỏ. Nạn đói xảy ra, to nhất là nạn đói vào năm 1774 ở Thuận Hóa. Lê Quý Đôn ghi lại trong Phủ biên tạp lục như sau: "Bấy giờ Thuận Hóa mấy năm mất mùa đói kém, lại phải đánh trận bắt lính không thôi, quân dân lìa lòng, sùng sục mong làm loạn".

Tình hình như thế đã làm nổ ra nội loạn như cuộc nổi dậy của dân tộc Đá Vách ở Quảng Ngãi vào năm 1770 hoặc của Chàng Lía ở Bình Định. Cuộc nổi dậy này đã để lại dấu ấn sâu sắc trong dân gian qua câu ca dao:

"Chiều chiều én liệng Truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành"

### Buổi ban đầu của phong trào Tây Sơn

Năm 1771, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên lập đồn ải ở đất Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Anh em Tây Sơn truyền hịch đi khắp nơi tuyên cáo mục đích của cuộc nổi dậy là đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan và phù lập Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương, con của Thế tử đã mất. Vì thế có câu ngạn ngữ:

"Binh Triều, binh Quốc phó,

Binh ó, binh Hoàng tôn".

(Binh ó là ám chỉ quân Tây Sơn vì quân Tây Sơn khi lâm trận thì la ó lên lấy khí thế, còn Hoàng tôi là Nguyễn Phúc Dương, Đông cung của Chúa Nguyễn Phúc Thuần).

Thanh thế của anh em Tây Sơn ngày càng lớn, họ được sự hưởng ứng không những của người nghèo mà còn của các người giàu có, các thổ hào nữa. Đến năm 1773 quân Tây Sơn tiến lấy thành Qui Nhơn. Sau đó, quân Tây Sơn chiếm thêm Quảng Ngãi rồi lấy luôn hai phủ Diên Khánh và Bình Khang.

Chúa Trịnh lợi dụng tình hình rối ren của Đàng Trong, phái vị đại tướng lão luyện của mình là Hoàng Ngũ Phúc dẫn quân vượt sông Gianh, tiến vào Nam, lấy danh nghĩa là giúp chúa Nguyễn trừ Trương Phúc Loan. Chúa Nguyễn thấy thế quân của Hoàng Ngũ Phúc quá mạnh nên đành bắt Trương Phúc Loan đem nộp cho quân Thịnh. Có được Trương Phúc Loan rồi, nhưng Hoàng Ngũ Phúc vẫn cho quân tiến đánh Phú Xuân. Trước tình thế nguy cấp, chúa Nguyễn phải bỏ Thuận Hóa chạy vào Quảng Nam. Tại đây, chúa lập cháu là Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung. Nhưng chúa Nguyễn không trụ được lâu tại đấy, mà phải chạy tiếp vào Gia Định, Đông cung Dương ở lại trấn giữ Quảng Nam. Chẳng bao lâu, Đông cung Dương bị Nguyễn Nhạc bắt.

Nguyễn Nhạc cho người đem lễ vật đến thần phục Hoàng Ngũ Phúc, xin coi giữ ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên. Hoàng Ngũ Phúc bèn liên kết với Nguyễn Nhạc, dâng biểu lên chúa Trịnh, xin phong cho Nguyễn Nhạc làm Tiên phong Tướng quân, Tây Sơn hiệu trưởng. Xong việc, Hoàng Ngũ Phúc kéo quân trở ra Bắc, đi nửa chừng thì chết. Từ đấy về sau, họ Trịnh không còn can thiệp vào chính sự Đàng Trong nữa vì chính bản thân nội bộ họ Trịnh cũng không vững chắc gì.

### Nguyễn Nhạc xưng vương rồi xưng đế

Sau khi Hoàng Ngũ Phúc kéo quân đi rồi, Nguyễn Nhạc lo xây dựng lực lượng. Ông cho đắp thành Đồ Bàn cao hơn và chắc chắcn hơn. Bên trong thành Đồ Bàn, Nguyễn Nhạc cho xây lên những tòa cung điện bằng đá ong. Ngoài ra ông còn cho tích trữ lương thực, luyện tập binh lính, điểm duyệt tướng sĩ, thu dùng đủ hạng người từ những người phiêu bạt cho đến các hào kiệt bất đắc chí. Nhờ thế Nguyễn Nhạc được rất nhiều người phò theo.

Qua năm 1776 Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, lấy Đồ Bàn làm Kinh Đô và đúc ấn vàng. Nguyễn Huệ được phong làm Phụ chính, Nguyễn Lữ làm Thiếu phó. Nguyễn Nhạc còn sai người thông hiếu cùng Chúa Trịnh, được chúa Trịnh phong cho Quảng Nam Trấn thủ, Tuyên úy Đại sứ, Cung quốc công.

Thực lực của Tây Sơn ngày càng lớn, Nguyễn Nhạc tính đến việc chiếm đánh đất Gia Định, truy đuổi chúa Nguyễn. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ được lệnh dẫn hai đạo quân thủy bộ vào đánh lấy Gia Định. Họ đuổi được chúa Nguyễn và Đông cung Dương (đã trốn được vào Gia Định từ trước) đến Long Xuyên thì bắt được và giết chết cả hai tại đó. Chỉ có Nguyễn ánh, con của Nguyễn Phúc Luân là chạy thoát.

Dẹp được chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua. đặt niên hiệu là Thái Đức, đổi tên Kinh đô Đồ Bàn thành Hoàng đế thành, phong Nguyễn Huệ là Long Nhượng Tướng quân (1778).

Nguyễn Huệ là người có thiên tài về quân sự, binh cơ của ông thần tốc, hiệu lệnh rất nghiêm minh. Ông tung hoành từ Nam ra Bắc, phá vỡ hai thế lực cát cứ là họ Nguyễn và họ Trịnh, tạo tiền đề cho sự thống nhất của đất nước về sau.

### Tây Sơn đuổi họ Nguyễn

Nói về Nguyễn ánh, lúc ấy mới 17 tuổi, lẩn lút trốn trong vùng đồng bằng sông Cửu long đồng thời chiêu tập lại triều thần cũ, củng cố lực lượng. Sau khi Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ rút trở về Qui Nhơn, Nguyễn ánh với sự hỗ trợ của Đỗ Thành Nhân, đem quân đi đánh đuổi được lực lượng Tây Sơn đang đóng giữ tại đấy rồi lên làm Đại nguyên soái, Nhiếp quốc chính, lập nên bộ máy quan lại, cai quản đất Gia Định. Qua đến năm 1780, Nguyễn ánh xưng vương, phong cho Đỗ Thành Nhân làm chức Ngoại hữu Phụ chính, Thượng tướng công và thăng thưởng cho các binh sĩ.

Nguyễn ánh lại đặt được quan hệ tốt đẹp với nước Xiêm. Nguyên do là Nguyễn Văn Thoại, Đại tướng của Nguyễn ánh có giao kết bằng hữu, thề cứu nhau trong cơn hoạn nạn với Chất Tri, một tướng Xiêm sau này Chất Tri lên ngôi vua, lập ra triều đại Chakkri. Vì thế Nguyễnánh có một chỗ sự vững chắc cho những buổi lưu vong.

Nhưng Nguyễn ánh không ở yên được tại đất Gia Định qua ba năm qua, năm 1782 Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiến thuyền vào cừa Cần Giờ tiến đánh quân Nguyễn ánh, uy hiếp Gia Định. Nguyễn ánh phải bỏ thành Sài Gòn chạy về Ba Giồng rồi ra Phú Quốc.

Anh em Tây Sơn đuổi được Nguyễn ánh rồi, không ở lại giữ Gia Định mà chỉ để lại một hàng tướng trông coi rồi kéo về Trung. Phe Nguyễn ánh lại nổi lên với sự hỗ trợ của mãnh tướng Châu Văn Tiếp, chiếm lại được thành Gia Định và đón Nguyễn ánh về.

Nguyễn ánh chưa kịp chỉnh đốn lực lượng thì năm sau (1783) Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ kéo quân vào quyết tâm tiêu diệt cho bằng được Nguyễn ánh. Không chống cư nổi, Nguyễn ánh lại một lần nữa chạy ra phú Quốc. Tại đây, bị truy nã tiếp, Nguyễn ánh lại chạy đến Côn Đảo. Quân Tây Sơn đến vây nhưng bị lão đắm thuyền, nhờ thế Nguyễn ánh thoát khỏi trùng vây, lại chạy về Phú Quốc.

Tuy thoát được cảnh truy đuổi nhưng Nguyễn ánh không còn bao nhiêu lực lượng. Chính trong thời điểm này, Nguyễn ánh móc nối với Giám mục Bá Đa Lộc thuộc Hội Truyền Giáo Paris, giao cho ông này toàn quyền thay mình đi cầu cứu với chính phủ Pháp. Nguyễn ánh còn cho người con trưởng của mình mới 4 tuổi là Hoàng tử Cảnh theo Bá Đa Lộc để làm tin. Bá Đa Lộc hăng hái nhận lời.

Đồng thời với kế hoạch cầu cứu nước Pháp, Nguyễn ánh thân hành sang Xiêm cầu viện. Vua Xiêm sai hai tướng là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 20.000 quân cùng 300 chiến thuyền theo Nguyễn ánh về đánh lấy Rạch Giá, Ba Trắc, Trà Ôn...

Tướng Tây Sơn đang giữ thành Gia Định vội phi báo về Qui Nhơn. Nguyễn Huệ một lần nữa được lệnh vào đánh Nguyễn ánh. Nguyễn huệ cả phá xuân Xiêm ở Rạch Gầm - Xoài Mút (1785). Quân Xiêm chỉ còn vài nghìn người theo đường núi chạy về nước. Từ đấy, quân Xiêm sợ quân Tây Sơn như "sợ cọp". Còn Nguyễn ánh lại chạy theo đường biển qua Xiêm lánh nạn và được vua Xiêm trọng đãi và cho trú ngụ tại Ngoại ô của Vọng Các (Bangkok).

### Tây Sơn dứt họ Trịnh

Bấy giờ ở Đàng ngoài, việc chính sự vô cùng rối ren. Chúa Trịnh là Trịnh Sâm bỏ trường lập thứ làm cho quan lại chia ra hai phe. Một bên ủng hộ Trịnh Khải, người con trưởng. Bên kia ủng hộ Trịnh Cán, người con thứ mới ba tuổi, con của vợ yêu của chúa là Đặng Thị Huệ. Năm 1782 Trịnh Sâm bệnh chết, truyền ngôi chúa lại cho Trịnh Cán, có quan đại thần Hoàng Đình Bảo làm phụ chính. Đám quân Tam phủ bất mãn, tự động nổi lên tôn phù Trịnh Khải, giết Hoàng Đình Bảo và phế Trịnh Cán đi.

Từ khi đưa được Trịnh Khải lên ngôi chúa, quân Tam phủ mỗi ngày một kiêu căng, kéo nhau đi cướp phá các làng. Các quan có ai không vừa lòng chúng là chúng giết chết. Có một số quan muốn rước Trịnh Khải lên Sơn Tây rồi tiễu trừ quân ấy đi. Nhưng chúng hay được, liền canh giữ các cửa đô và vây phủ chúa không cho Trịnh Khải xuất thành. Vì thế chúng được mệnh danh là Kiêu binh. Tình thế càng rối loạn hơn.

Trong tình hình ấy mưu sĩ Bắc Hà là Nguyễn Hữu Chỉnh lạo bỏ Đàng Ngoài vào thần phục Nguyễn Nhạc. Nguyễn Hữu Chỉnh người Nghệ An, đổ Hương cống khi chỉ mới 16 tuổi nên được gọi là Cống Chỉnh. Nguyên Chỉnh vốn là người phe Hoàng Bảo bị giết, Chỉnh bèn theo Tây Sơn, rất được Nguyễn Nhạc tin dùng. Chỉnh hết lòng bày mưu chỉ kế. Một trong những mưu kế của Chỉnh được Nhạc chấp nhận là việc tiến chiếm Thuận Hóa, nới rộng lãnh thổ cho Tây Sơn.

Đất Thuấn Hòa từ khi Hoàng Ngũ Phúc mất nằm dưới quyền cai trị của Phạm Ngô Cầu. Phạm Ngô Cầu là người tham làm mà lại không phòng bị, nên Thuận Hóa thành miếng mồi ngon cho Tây Sơn. Nguyễn Nhạc nghe lời khuyên của Chỉnh, ra lệnh cho Nguyễn Huệ kéo quân ra đánh Thuận Hóa. Nguyễn Huệ làm tiết chế, Chỉnh làm Hữu quân Đô đốc, còn Tả quân Đô đốc là do Vũ Văn Nhậm, rể của Nguyễn Nhạc đảm nhiệm. Quân Tây Sơn chiếm lấy Thuận Hóa một cách dễ dàng. Nguyễn Huệ bắt được Phạm Ngô Cầu cho người giải về Qui Nhơn chém đi (1786).

Lấy xong Thuận Hóa, Nguyễn Hữu Chỉnh lại khuyên Nguyễn Huệ đánh ra luôn Bắc Hà dứt họ Trịnh. Nguyễn Huệ nghe lời, cho Nguyễn Hữu Chỉnh đem thủy binh đi trước còn mình đem bộ binh đi sau. Quân Tây Sơn dễ dàng hạ được Nghệ An rồi lấy danh nghĩa là phù Lê diệt Trịnh kéo tuốt ra Thăng Long. Trịnh Khải lên voi thúc quân ra chặn, nhưng địch không lại phải chạy lên Sơn Tây thì bị bắt. Trên đường bị giải về, Trịnh Khải lấy gươm cắt cổ tự tử. Nguyễn huệ cho lấy vương lễ tống táng Trịnh Khải.

Nguyễn Huệ vào Thăng long yết kiến vua Lê. Vua Lê lúc bấy giờ là Hiển Tông, đã già và đau yếu. Vua phong cho Nguyễn Huệ là Nguyên soái Uy quốc công và gả công chúa Ngọc Hân cho Huệ. Chỉ vài hôm sau là vua mất, Hoàng tôn Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu Thống.

Nghe tin Nguyễn Huệ lấy thành Thăng long, Nguyễn Nhạc không bằng lòng, tức tốc kéo quân ra Bắc Hà. Sau lễ tượng kiến cùng vua Chiêu Thống, anh em Tây Sơn lại bất thần kéo quân về Nam, không báo cho Nguyễn Hữu Chỉnh theo. Nguyễn Hữu Chỉnh hoảng hốt lên thuyền con chạy theo đến Nghệ An thì bất gặp được. Nguyễn Nhạc cho Chỉnh giữ đất Nghệ An.

Dù chúa Trịnh đã chết nhưng phe phái nhà Trịnh vẫn còn. Sau khi quân Tây Sơn kéo đi, họ Trịnh lại nổi lên, vua Lê phải lập lại phủ chúa nhưng ngầm cho người vào Nghệ An nhờ Chỉnh ra trừ họ Trịnh. Chỉnh đem hơn một vạn quân ra giúp vua Lê đuổi được họ Trịnh. Chỉnh ở lại luôn Thăng Long và từ đó nắm mọi quyền hành.

Về phía anh em Tây Sơn, sau khi kéo quân từ Bắc Hà về, Nguyễn Nhạc tự xưng là Trung ương Hoàng đế, đóng đô ở Quy nhơn, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương, đóng ở Gia Định, phong cho Nguyễn Huệ là Bắc Bình Vương, đóng ở Thuận Hóa. Nhưng không được bao lâu, nội bộ anh em Tây Sơn mất đoàn kết. Nguyễn Huệ đem quân vây thành Qui Nhơn, tấn công Nguyễn Nhạc. Trước cảnh huynh đệ tương tàn, các quan cận thần khuyên bảo Nguyễn huệ nên giảng hòa cùng anh, Nguyễn Huệ nghe theo, không tấn công nữa, nhưng cũng không còn phục tùng như xưa.

Giảng hòa xong, Nguyễn Huệ trở lại Thuận Hóa, biết tin Nguyễn Hữu Cảnh đang lừng lẫy ở Bắc Hà và đang muốn đòi lại đất Nghệ An, Nguyễn huệ bèn sai Vũ Văn Nhậm ra bắt Chỉnh.

Năm 1787, Nhậm đem quân ra Bắc giết Chỉnh đi, vua lê Chiêu Thống hoảng sợ chạy trốn. Vũ Văn nhậm bèn đưa một hoàng thân lên làm Giám quốc nhưng thực chất Nhậm lại giữ hết quyền hành, lấn áp cả vị Giám quốc. Nguyễn Huệ được thông báo vội kéo quân k? đêm đi gấp ra Thăng Long, nửa đêm thì đến dinh Nhậm, ập vào cho quân giết Nhậm tức thì.

Trừ xong Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ sắp đặt lại quan quân, duy trì Giám đốc, cho Ngô Thời Nhiệmlà Lại bộ Tả thị lang và để thuộc tướng tin cẩn là Ngô Văn Sở ơ lại giữ Bắc Hà rồi trở lại Phú Xuân.

### Quang Trung Hoang Đế đại thắng quân Thanh.

Vua Thanh Càn Long lấy cớ giúp vua Chiêu Thống, cử Tổng đốc miền Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị chuẩn bị hai hai vạn quân mã của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quí Châu và Vân Nam sẵn sàng kéo sang Đại Việt.

Tôn sĩ Nghị chủ trương: "Nay họ sang cầu cứu, bản triều theo nghĩa phải cứu giúp. Vả chăng An Nam vốn là đất cũ của Trung Quốc. Nếu sau khi khôi phục họ Lê rồi, nhân đó lại có quân đóng giữ như thế là bảo tồn nhà Lê, đồng thời lại chiếm được An Nam, một công mà được cả hai việc ấy".

Ngày 25.11.1788, quân Tôn Sĩ Nghị vượt biên giới, có gặp vài sự kháng cự lẻ tẻ của quân Tây Sơn nhưng đều vượt qua và vào ngày 10.12 thì đến được bờ Bắc sông Thương. Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm chủ trương rút quân về Nam để bảo toàn lực lượng và đợi đại quân của Nguyễn Huệ. Vì thế một mặt họ phái người về Phú Xuân cấp báo, một mặt cho quân rút vầ Tam Điệp.

Ngày 17.12 quân Tahhn tiến vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị cho đại quân đóng dọc hai bên sông Hồng. Quân của Sầm Nghi Đống đóng ở vùng Khương Thượng bảo vệ phía Tây Nam thành Thăng Long. Ngoài ra còn có hai đạo quân chốt giữ Sơn Tây và Hải Dương. Tôn Sĩ Nghị lại cho bắc cầu phao qua sông Hồng để tiện việc đi lại.

Vua Lê Chiêu Thống theo về với quân Thanh, được Tôn Sĩ nghị tuyên đọc tờ sắc của Càn long phong cho Chiêu Thống làm An Nam quốc vương.

Nguyễn Huệ được tin cấp báo, liền hội họp các quan lại. Ai nấy đều đồng thanh đưa ý kiến là Nguyễn Huệ nên lên ngôi cao cả để tập trung lòng người rồi hãy xuất quân. Nguyễn Huệ sai chọn ngày tốt, lập đàn Giao ở phía Nam núi Ngự Bình (Huế) và làm lễ đăng quang vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), xưng là Hoàng đến Quang Trung. Làm lễ xong ngài thân hành thống lĩnh lại quân ra Bắc. Chỉ mấy ngày sau là đại quân đã ra đến Nghệ An. Tại đây Quang Trung Nguyễn Huệ cho nghỉ mười ngày để lấy thêm quân rồi kéo ra Tam Điệp hội cùng Ngô Văn Sở.

Quân số Tây Sơn lên đến được 100.000 người. Quang Trung cha quân ra làm năm lộ.

#### Lộ thứ nhất:

Là đội quân chủ lực do Chính ngài trực tiếp chỉ huy, có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lâm làm tiên phong, mục tiêu là phía Nam thành Thăng Long.

#### Lộ thứ hai

Là thủy binh do Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy, sẽ theo đường biển vào sông Lục Đầu với hướng mục tiêu là Hải Dương.

#### Lộ thứ ba

Do Đô đốc Lộc chỉ huy gồm bộ binh, k? thủy binh cũng vượt biển như trên nhưng với mục tiêu là Yên Thế.

#### Lộ thứ tư:

Là tượng binh, k?và pháo binh do Đô đốc Bảo chỉ huy với mục tiêu là qua Tây Nam Ngọc Hồi để tiến vào Nam Thăng Long.

#### Lộ thứ năm

Là bộ binh, tượng binh,do Đô đốc Long chỉ huy theo đường núi để đánh vào Thăng Long.

Tuy quân Tây Sơn rộn ràng tích cực chuẩn bị binh mã nhưng tin tức không ra đến Thăng Long vì Ngô Văn Sở cho quân dàntừ núi Tam Điệp ra đến biển, chận giữ kỹ càng các đường giao thông, bưng bít mọi tin tức. Quân Thanh vì thế ngày càng chểng mảnh, tiệc tùng liên tục. Riêng Tôn Sĩ Nghị lại có kế hoạch cho quân ăn Tết rồi đến mùng sáu mới xuất quân đánh Ngô Văn Sở.

Quang Trung Nguyễn Huệ hội ba quân ăn Tết Nguyên Đán trước, hẹn ngày mồng 7 tháng Giêng sẽ vào Thăng Long mở tiệc lớn ăn mừng. Mọi người đều hăng hái. Và thế là vào đêm 30 Tết tức là ngày 25.1.1789, lễ xuất quân diễn ra rộn ràng.

Lộ thứ nhất bí mật vượt sông đánh vào Gián Khẩu cách Thăng Long 80 km về phía Nam rồi lần lượt hạ các đồn tiền tiêu của địch, tiến áp sát vào thành Thăng Long mà Tôn Sĩ Nghị vẫn chưa hay. Nửa đêm 28.1.1789 quân của Nguyễn Huệ tiến đến uy hiếp vân đồn Hà Nội, đồn đầu tiên có quân chủ lực của nhà Thanh đóng. Quân Thanh đầu hàng một cách mau lẹ.

Qua hôm sau Nguyễn huệ cho vây thành Ngọc Hồi. Phó tướng quân Thanh là Hứa Thế Hanh vội vàng phi báo cho Tôn Sĩ Nghị việc Hà Hồi thất thủ và Ngọc Hồi bi vậy. Nhận được tin Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt kêu lên "Sao mà thần tốc đến thế?" đoạn vội vàng cho quân đi thám thính (mồng bốn Tết).

Trong khi ấy lộ quân thứ năm do Đô đốc Long chỉ huy đã đến làng Nhân Mục và vào rạng ngày mồng năm Tết khi còn đang đêm tối đen, quân Tây Sơn vây và công phá dữ dội đồn Khương Thượng. Voi chiến cùng bộ binh phá vỡ đồn, tướng Thanh là Sầm Nghi Đống tự tử ngay trên đồi Loa Sơn (nay là gò Đống Đa), mấy vạn quân Thanh bị tiêu diệt, thây nằm ngổn ngang. Đô đốc Long cho quân tiến về Thăng Long và đến canh tư thì uy hiếp đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị.

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt cực độ, đang đêm không kịp mặc giáp, đóng yên ngựa, vội vàng vượt cầu phao chạy về hướng Bắc. Bấy giờ quân Thanh hỗn loạn, dẫm đạp lên nhau cố chạy thoát thân làm cầu phao đứt, rơi xuống sông chết không biết bao nhiêu mà kể.

Cũng mờ sáng mồng năm ấy Nguyễn Huệ công phá thành Ngọc Hồi, rồi phá vỡ liên tiếp các đồn kế tiếp. Phó tướng Hứa Thế Hanh và nhiều danh tướng khác tử trận. Đến chiều cùng ngày, Quang Trung cùng 80 thớt voi và đại binh kéo vào Thăng Long, áo chiến bào màu đỏ của vua đã nhuộm đen thuốc súng.

Quân Thanh rút chạy về phía Bắc, đi đến đâu gặp phục binh của đô đốc Lộc và đô đốc Tuyết đến đấy. Tôn Sĩ Nghị phải vứt bỏ cả cờ, ấn, sắc, thư để chạy thoát thân. Vua Lê Chiêu Thống cũng chạy trốn sang Trung Quốc cùng Tôn Sĩ Nghị.

Bắt được ấn tín của Tôn Sĩ Nghị vất lại, trong đó có mật dụ của Càn Long bộc lộ âm mưu xâm chiếm Đại Việt, Nguyễn Huệ bèn bảo với Ngô Thời nhậm viết thư cho nhân dân cùng trả tất cả tù binh cho nhà Thanh. Sắp đặt đâu đó xong xuôi, Quang Trung giao Bắc Hà cho Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân và Ngô Thời Nhiệm trông coi còn mình lại kéo quân trở về Phú Xuân.

Càn Long nhà Thanh được tin bại trận tức giận, sai quan nội các là Phúc Khang An thay Tôn Sĩ nghị làm Tổng giám đốc Lưỡng Quảng để chuẩn bị binh mã sang đánh Đại Việt. Phúc Khang an đã được vua Quang Trung sai người sang tặng vàng bạc rất hậu, nên cố khuyên Càn Long đừng tiến binh, đồng thời ca tụng tài bách chiến bách thắng của Quang Trung. Càn long nghe theo, phong cho Quang Trung làm An Nam quốc vương, nhưng buộc phải sang chầu và phải lập đền thờ Hứa Thế Hanh.

Quang Trung bèn chọn người cháu đi thay mình. Giả vương được Càn Long tiếp đón trọng gậu, cho làm lễ ôm gối, cho ăn yến như các thân vương khác.

Trong khi ấy, Lê Chiêu Thống cố chạy chọt để nhà Thanh phái quân đi đánh lại Tây Sơn, nhưng không được mà lại còn bị đưa về Quế Lâm. Phúc Khang An lừa cho Lê Chiêu Thống và đoàn tùy tùng gọt đầu, đổi cách ăn mặc theo người Thanh rồi tâu lên Càn long là Chiêu Thống đã yên tâm sống tại đất Trung Hoa rồi. Càn Long tin theo. Chiêu Thống không thể nào kêu ca được, chịu nhục mà sống lây lất vài năm rồi chết (1793).

## Triều đại Quang Trung

### Tình hình chung

Chiến thắng oanh liệt của Quang Trung Nguyễn Huệ cùng chính sách mềm dẻo của nhà vua đối với Triều Thanh tránh cho đất nước cảnh lệ thuộc và họa chiến tranh. Các cuộc nổi dậy của nông dân trước khi có phong trào Tây Sơn cũng tự triệt tiêu. Đất nước bước vào một triều đại mới.

Tuy thế, phong trào Tây Sơn lại gặp phải những thực tế khó khăn khác. Đó là sự không đoàn kết giữa Quang Trung và Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc và sự quật khởi của thế lực Nguyễn ánh.

Nguyễn Nhạc từ sau khi bất hòa với Nguyễn Huệ, tô thân phận với phần đất của mình nhưng lại phải luôn tay đối phó với thế lực của Nguyễn ánh đang trên đà phát triển.

Nói về Nguyễn ánh, sau một thờigian ở trên đất Xiêm, dò xét biết được nội bộ của anh em nhà Tây Sơn bất hòa và quân của Nguyễn Lữ ở Gia Định yếu kém, bèn rời Xiêm đưa gia quyến trở về đảo phú Quốc vào năm 1787, còn mình kéo quân về Long Xuyên, tiến đánh Gia Định. Đông Định Vương khiếp sợ bỏ chạy về Qui nhơn, để thành Gia Định cho tướng Phạm Văn Tham chống giữ. Không kình được với Nguyễn ánh, Phạm Văm Tham chống giữ. Không kình được với Nguyễn ánh, Phạm Văn Tham đầu hàng. Vào năm 1789, khi Quang Trung Nguyễn Huệ đang chỉ huy quân dân chống lại hiểm họa bị xâm lâng thì Nguyễn ánh tiến binh chiếm và làm chủ toàn bộ đất Gia Định (tức là Nam bộ).

### Chính quyền Quang Trung



Vua Quang Trung lập bà Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu, tập con trưởng là Quang Toản làm Thái tử, con thứ là Quang Thùy làm Khanh công lĩnh Bắc thành, con thứ ba là Quang Bàn làm Tuyên công, lĩnh Thanh Hóa Đốc trấn. Ngài lại quyết định đóng đô ở Nghệ An là vùng đất nằm vào giữa của vùng mình cai trị. Phượng Hoàng Trung đô được tiến hành xây dựng dưới chân núi Kỳ Lân ở Nghệ An. Phượng Hoàng Trung đô được xây dựng bằng đá ong, có Long lâu ba tầng, điện Thái Hòa hai hành lang có phòng triều hạ.

Hành chính

Quang Trung thành lập một bộ máy quan lại gồm những người đã theo phong trào Tây Sơn từ trước cùng các danh sĩ Bắc hà, không phân biệt, kỳ thị gì. Riêng đối với danh sĩ Nguyễn Thiếp thì Quang Trung đặc biệt kính trọng. Nguyễn Thiếp được cử giữ một chức quan trọng tương đương với cấp bậc, Thượng thư bộ Học, cai quản Sùng Chính viện để dịch sách, chỉnh đốn việc học và thi cử trong nước.

Về hệ thống quan lại thì không có tư liệu hoàn chỉnh nhưng có thể biết một số chức thư Tam Thiếu, Đại chủng tể, Đại tư đồ, Đại tư khấu, Đại tư mã, Đại tư không, Trung thư sảng, Trung thư lệnh, Đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ, Thị lang, Hàn lâm...

Bắc thành dưới thời Quang Trung gồm có 6 nội trấn và 6 ngoại trấn. Sáu nội trấn là Thanh Hóa, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Kinh Bắc, Hải Dương và Phụng Thiên. Sáu ngoại trấn là Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Yên Quảng. Còn Kẻ Chợ thì gồm có một phủ, hai huyện, mười tám phường.

Đứng đầu mỗi trấn là quan Trấn thủ và Hiệp trấn. Tại mỗi huyện có quan văn là Phân tri để lo việc hành chánh còn quan võ Phân xuất để lo việc binh lương. Dưới huyện có tổng, xã do tổng trưởng và xã trưởng đứng đầu.

Quân sự

Vua Quang Trung rất chú ý đến việc quân sự. Để tuyển quân, vua ra lệnh cứ ba đinh thì chọn một làm lính. Binh lính được chia thành đạo cơ, đội và có tất cả 5 loại binh chủng: bộ binh, thủy binh, k? tượng binh và pháo binh. Voi trận có gắn cả đại bác trên lưng, còn thuyền thì có thể chở từ 500 đến 700 lính và khoảng trên dưới 50 khẩu đại bác hạng vừa.

Quang Trung cho lập sổ đinh điền, chia các đinh ra làm bốn hạng:

- Vị cập sách (tương đương với vị thành niên ngày nay: từ 2 đến 7 tuổi); - tráng hạng: từ 18 đến 55 tuổi; - lão hạng: từ 56 đến 60; - lão nhiêu: từ 61 trở lên.

Để tránh sự ẩn lậu, Nguyễn Huệ lại sai chiếu theo hộ tịch mà phát cho mỗi người một cái thẻ gọi là "tín bài", trên tín bài có in bốn chữ "Thiện hạ đại tín" ghi tên tuổi, quê quán và dấu ngón tay tả của người mang thẻ để làm tin. Ai cũng phải mang tín bài ấy, ai không có thì bị xem là dân lậu sẽ bị bắt sung quân. Hộ tịch làm xong, cứ ba suất đinh thì lấy một xuất lính.

### Phát triển kinh tế.

Để khuyến khích nông nghiệp, vua Quang Trung ban bố chiếu khuyến nông. Những dân xiêu tán nếu đã ngụ cư từ ba đời trở lên thi cho ở, còn không, phải trở lại bản quán để nhận đất, nhận ruộng cày đấy. Những ruộng công hay tư bỏ hoang phải được phân chia cho những người xiêu tán trở về. Các xã phải khai rõ số ruộng thực khẩn và số ruộng hoang cùng với số đinh thực tại và số dân phiêu bạt mới về để triều đình có cơ sở mà đánh thuế. Xã nào có đất hoang thì chức vô địch đã ấy phải chịu đóng thuế cho số đất hoang ấy. Vì thế, các chứa dịch phải tìm cách khuyến dụ dân phiêu tán quay về khai khẩn đất hoang. Thuế ruộng thì tùy thuộc theo tính chất xấu tốt của ruộng mà đánh thuế. Ruộng công và ruộng tư đều chia ra ba hạng nhưng số lượng nộp thuế khác nhau. Ruộng công nộp mỗi mẫu từ 50 đến 150 bát thóc, ruộng thư nộp từ 20 đến 40 bát thóc.

Nhà vua khuyến khích việc ***~~giao dịch~~*** với nước ngoài, đề nghị nhà Thanh mở cửa ải, thông chợ búa. Nhà vua còn đề nghị nhà Thanh cho mở một cửa hàng ở Nam Ninh và đã được nhà Thanh chấp nhận.

### Phát triển văn hóa

Vua Quang Trung rất quan tâm đến việc giáo dục. Ngài cho lập nhà xã học tại các xã, lựa người có học đặt làm chức xã giảng dụ để dạy người trong xã. Các đền từ ở phủ huyện được dùng làm trường học. Khi thi hương, ai đậu ưu được vào quốc học, ai đậu thứ được vào phủ học. Loại sinh đồ mua bằng ba quan thời Lê mạt thì bị loại ra làm dân

Vua chú trọng đến việc dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm. Ngài chơ dựng Sùng Chính viện tại Nghệ An và cử Nguyễn Thiếp làmviện trưởng lo việc chuyển ngữ.

Việc cải cách quan trọng nhất là đề cao chữ Nôm. Các sắc dụcủa vua phần nhiều được viết bằng chữ Nôm. Khi đi ti, sĩ tử phải làm thơ phú bằng chữ Nôm. Nhờ thế văn thơ Nôm thời Tây Sơn rất được phát triển. Một số tác phẩm còn lưu truyền đến ngày nay như bài "Ai cư vãn" của Ngọc Hân công chúa, "Tụng Tây Hồ phú" của Nguyễn Huy Lượng, "Chiến tụng Tây Hồ phú", "Sơ kính tân trang", của Phạm Thái.

## Cuộc đối đầu Tây Sơn - Nguyễn ánh

### Nội bộ lủng củng của nhà Tây Sơn



Vua Quang Trung làm vua được bốn năm thì mất (1792), con là Quang Toản mới 10 tuổi lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh. Vua Cảnh Thịnh còn nhỏ nên không đủ sức gánh vác việc triều đình. Mọi việc đều doThái sư Bùi Đắc Tuyên quyết đoán. Bùi Bắc Tuyên là anh ruột của bà Thái hậu, càng ngày càng chuyên quyền. Các quan trong triều kẻ theo Tuyên, kẻ chống lại nên mất đoàn kết. Đến năm 1795, mâu thuẫn bùng nổ, Vũ Văn Dũng đem quân vây bắt cả nhà Tuyên rồi dìm xuống sông cho chết. Trần Quang Diệu đang vây thành Diên Khánh chống quân Nguyễn ánh, nghe tin liền giải vây kéo quân về Phú Xuân, đóng quân ở bờ Nam sông Hương. Vũ Văn Dũng đem quân đóng ở bờ Bắc chống cự lại. Vua Cảnh Thịnh phải đứng ra khuyên giải, các tướng mới giảng hòa với nhau. Nhưng chẳng bao lâu sau, Trần Quang Diệu lại bị thu hết binh quyền, chỉ còn giữ được chức tại triều mà thôi. Từ đấy triều đình Tây Sơn càng nát, vua không đủ uy để điều khiển các quan, tướng tá thì ganh ghét xâu xé lẫn nhau trong khi thế lực của Nguyễn ánh ngày một mạnh ở Gia Định.

### Sự hưng khởi của Nguyễn Ánh

#### Nguyễn Ánh trở lại Gia Định

Thế lực của Nguyễn ánh, trong khi ấy, đang dần dần lớn mạnh tại Gia Định. Nguyễn ánh chỉnh đốn lại xã hội tại đây về mọi lĩnh vực từ quân sự đến kinh tế, phong tục, luật pháp.

Nguyễnánhkhông cho dân chúng đánh cờ bạc, không xâm phạm đến tín ngưỡng của dân chúng nhưng nghiêm cấm phù thủy đồng bóng.

Nguyễn ánh rất chú trọng đến việc phát triển nông nghiệp. Ông phát trâu bò và công cụ cho nông dân. Ngoài ra, còn có các quan điền tuấn trông coi các việc liên quan đến nông nghiệp. Như thế, Nguyễn ánh đã đặt được nền móng kinh tế vững chắc cho vùng lãnh thổ của mình.

Đồng thời với các hoạt động kinh tế, Nguyễn ánh tăng cường các hoạt động quân sự. Ông tích cực cho đóng chiến thuyền, thao luyện quân sĩ. Bá Đa Lộc không xin được viện trợ của triều đình Pháp, nhưng lại mộ được gần 20 sĩ quan, kỹ sư người Pháp về giúp cho Nguyễn ánh. Từ đó thế lực của Nguyễn ánh mỗi ngày một mạnh chỉ chờ cơ hội ra đánh phá Tây Sơn.

#### Nguyễn Ánh tấn công ra phía Bắc

Từ năm 1790 Nguyễn ánh bắt đầu cho quân đi đánh phá Tây Sơn ở Phan Rí, Bình Thuận và Nhị Nại

Năm 1793, sau khi Quang Trung Nguyễn Huệ từ trần, việc đánh phá nhà Tây Sơn của Nguyễn ánh trở nên qui mô hơn. Nguyễn ánh đích thân đem quân đánh lấy phủ Diên Khánh và phủ Bình Khang rồi tiến đánh Quy nhơn lần thứ nhất. Nguyễn Nhạc cho người ra Phú Xuân cầu viện. Quân của vua Cảnh Thịnh vào cứu. Nguyễn ánh lại chạy về Gia Định. Trong khi ấy, thành Diên Khánh vẫn do Võ Tánh, tướng Nguyễn ánh chống giữ. Trần Quang Diệu tiến công vây thành Diên Khánh.

Nhân dịp giúp Nguyễn Nhạc đánh đuổi được Nguyễn ánh, quân của Cảnh Thịnh chiếm luôn thành Qui Nhơn. Trong khi ấy Nguyễn Nhạc lại chết, nội bộ nhà Tây Sơn vô cùng rối loạn. Nguyễn Bảo, con của Nguyễn Nhạc bất mãn vì Cảnh Thịnh chỉ cho Bảo hưởng lộc một huyện mà thôi nên âm mưu về hàng Nguyễn ánh. Cảnh Thịnh biết được, cho người giết Bảo đi. Thế là nhà Tây Sơn chỉ còn có Cảnh Thịnh.

Và đây cũng lại là thời điểm mà nội bộ Tây Sơn chia rẽ sâu sắc với các vụ Vũ Văn Dũng giết hại Bùi Đắc Tuyên, việc Trần Quang Diệu bỏ vây thành Diên Khánh mà về Phú Xuân. Các quan đại thần Tây Sơn lại giết hại lẫn nhau. Nhiều tướng sĩ của Tây Sơn chán nản bỏ theo hàng Nguyễn ánh đều được trọng dụng.

Sau lần rút lui khỏi Qui Nhơn vào năm 1793, Nguyễn ánh tích cực chuẩn bị quân mã. Vào năm 1797, ông lại đem quân đánh Qui Nhơn một lần nữa nhưng không được. Mãi đến lần đánh thứ ba, vào năm 1799 mới thành công.

Nguyễn ánh chiếm thành Qui Nhơn. Để đánh dấu sự kiện này, Nguyễn ánh đổi tên Qui Nhơn thành Bình Định, sai Võ Tánh và Ngô Tùng Châu ở lại trấn giữ. Mùa đông năm ấy, hai danh tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem đại quân vây Bình Định. Cuộc vây hãm kéo dài gần hai năm. Nguyễn ánh đem quân cứu viện, nhưnh Võ Tánh ngầm liên lạc, khuyên Nguyễn ánh nên thừa lúc đại quân Tây Sơn bị cầm chân tại Bình Định để đánh Phú Xuân (1801). Nguyễn ánh nghe theo, không giải vây cho Bình Định nữa mà đem quân đánh Thị Nại, thiêu hủy toàn bộ lực lượng chiến hạm của Tây Sơn tại đây. Nguyễn ánh lại tiến ra đánh úp Phú Xuân và chiếm được kinh thành. Qua năm 1802, Nguyễn ánh tiếp tục tiến ra Bắc. Vua Cảnh Thịnh phải bỏ chạy. Trong khi ấy, tướng Trần Quang Diệu đã chiếm được thành Bình Định, nghe tin liền theo đường thượng đạo ra Bắc cứu viện, nhưng không kịp. Cả ông lẫn vua Cảnh Thịnh đều bị bắt.

Thế là nhà Tây Sơn từ một trong trào nông dân, lập nên được một triều đại hiển hách nhưng vì mất đoàn kết, khủng hoảng lãnh đạo, đã phải tan rã chỉ sau 14 năm cầm quyền.

### Di tích tiêu biểu

Triều đại Tây Sơn không kéo dài, chỉ trong vòng 14 năm thì tan rã, nên các kiến trúc tượng trưng cho thời đại này không nhiều. Chùa Tây Phương được chỉnh tranh quy mô vào thời này, nên ta có thể xem ngôi chùa cổ kính ấy là di tích của thời gian này.

\* Chùa Tây Phương

Chùa Tây Phương có tên nguyên thủy là Sùng Phúc tự hay là Hoành Sơn Thiếu Lâm tự. Chùa tọa lạc ở độ cao 50m trên đỉnh núi Câu Lởu, huyện Thạch Thất, cách Hà Nội 37km về hướng Tây. Năm 1794 chùa được xây dựng lại hoàn toàn mới nên niên đại ra đời được tính từ năm ấy. Nhưng trước thời điểm bày, trên núi Câu Lởu đã có ngôi chùa do Cao Biền lập (865-873) và được Trịnh Tạc sửa sang lại (1657-1682).

Đường lên chùa phải qua 239 bậc bằng đá ong, Chùa có ba tòa nhà chính. Từ trước vào là tòa Bái đường, đến giữa là Chính điện và sau cùng là Hậu cung. Tòa Bái đường và Hậu cung có chiều dài lớn hơn Chính điện nhưng chiều ngang lại nhỏ hơn.

Nhà xây kiểu hai tầng tám mái có khung gỗ chịu lực, tường ngoài xây gạch Bát Tràng. Ngói lợp gồm hai lớp - lớp ngói lót hình vuông ở dưới và lớp ngói mũi hài ở trên. Cột nhà càng cao thì đường kính càng lớn, hợp lý về chịu lực, hài hòa về kiến trúc. Tất cả cột đều đặt lên các tảng đá xanh.

Chi tiết tranh trí đặc biệt nhất là những đầu đao tức là những đầu mái cong còn gọi là những "đóa hoa đao đình", những đóa hoa này không đồ sộ, không được đưa ra thật xa nhưng lại vươn vút cao lên, tới 2,2m nên mang tính phóng khoáng rất mạnh. Các vì xà, điểm mái chạm khắc chim muông, hoa lá, triện cuốn đặc biệt công phu, các cửa sổ hình tròn.

Hệ thống cửa gỗ lấy ánh sáng rất độc đáo, làm phân tán và lọc độ mạnh của ánh sáng thông thường bằng việc dùng ánh sáng phản xạ hắt từ mặt đất lên để chỉ soi tỏ các tượng Phật và chi tiết kiến trúc bên trong.

Trong chùa có trên 60 pho tượng, trong đó có nhiều tác phẩm quan trọng của điêu khắc Việt Nam vào cuối thế kỷ 18 như tượng Tuyết Sơn, tượng La Hỗu La, các vị La Hán...

Chùa Tây Phương là bức thông điệp khá đầy đủ cho chúng ta, những con người của hai thế kỷ sau, hiểu được trình độ, kỹ xảo, quan niệm sống của người Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII.